

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THẠNH PHÚ  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 167/2024/DS-ST  
Ngày: 09-9-2024  
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng góp  
hụi*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ - TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Minh Trí

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Khoa

2. Ông Huỳnh Ngọc Sơn

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Văn Sĩ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện  
Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú tham gia phiên tòa:**  
Bà Bùi Thị Mai Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú,  
tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số:  
197/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp  
hụi*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 177/2024/QĐXXST-DS ngày 06 tháng  
8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 92/2024/QĐST-DS ngày 22 tháng 8  
năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị U, sinh năm: 1996. Địa chỉ: 1 ấp A, xã A,  
huyện T, tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo uỷ quyền: anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1997. Địa chỉ: số  
A E đường số C khu dân cư S, khu phố M, phường G, thành phố B, tỉnh Bến Tre;  
chị Nguyễn Thị Diễm Q, sinh năm: 2002, Địa chỉ: D ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến  
Tre.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Duy T1, sinh năm 1988. Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện  
T, tỉnh Bến Tre.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, cùng các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho  
Tòa án đại diện nguyên đơn trình bày:*

Trước đây, thông qua giới thiệu, Nguyễn Duy T1 bắt đầu chơi hội của chị Phạm Thị U' và chị U' có chuyển khoản tiền hội cho Nguyễn Duy T1 cụ thể như sau:

Dây 1: Số tiền hội tuần là 1.000.000 đồng, khai lần đầu vào ngày 26/6/2023, dây hội gồm có 26 phần. T1 tham gia 01 dây và hốt hội đầu, đã hốt được 14.000.000 đồng (chị U' chuyển khoản ngày 27/6/2023 thông qua số tài khoản ngân hàng là 1037948268 tại Ngân hàng TMCP N (V) đứng tên Nguyễn Duy T1)

T1 còn phải đóng lại 25 kì với số tiền 25.000.000 đồng.

Dây 2: Hội mỗi ngày 500.000 đồng, khai lần đầu vào 14/6/2023, dây hội gồm 26 phần. Tân tham gia 01 phần, mần ngày 09/7/2023, đóng được 01 kì vào ngày 14/6/2023, T1 xin hốt kỳ 02 vào ngày 15/6/2023 là 9,900.000 đồng (chị U' chuyển khoản ngày 15/6/2023 thông qua số tài khoản ngân hàng là 1037948268 tại Ngân hàng TMCP N (V) đứng tên Nguyễn Duy T1)

T1 còn phải đóng lại 24 kì với số tiền 12.000.000 đồng.

Dây 3: Hội mỗi ngày 500.000 đồng, lần đầu mở hội và khai vào ngày 22/6/2023, dây 24 phần, ngày mần là ngày 15/7/2023.

Tân tham gia được 02 kì vào ngày 22/6/2023 và ngày 23/6/2023, hốt vào kỳ thứ 03 vào ngày 24/6/2023, T1 đã hốt là 8.490.000 đồng (chị U' chuyển khoản ngày 24/6/23 thông qua số tài khoản ngân hàng là 1037948268 tại Ngân hàng TMCP N (V) đứng tên Nguyễn Duy T1)

T1 còn phải đóng lại 21 kì số tiền 10.500.000 đồng.

Tổng cộng số tiền T1 còn phải đóng cho chị U' là: 47.500.000 đồng.

Nay, yêu cầu giải quyết: Buộc Nguyễn Duy T1 có nghĩa vụ trả cho chị Phạm Thị U' tổng số tiền là 47.500.000 đồng (Bốn mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng), không yêu cầu tính lãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre phát biểu:

+ Thẩm phán trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cho đến khi mở phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 471 Bộ luật dân sự 2015. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào lời trình bày của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1 Đây là vụ án “*Tranh chấp hợp đồng góp hội*” quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú.

1.2 Bị đơn có nơi cư trú tại xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú thụ lý đúng thẩm quyền.

1.3 Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Nguyễn Duy T1 đã được tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên Tòa đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn Nguyễn Duy T1.

[2] Về nội dung:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả số tiền là 47.500.000 đồng (Bốn mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng) không yêu cầu tính lãi. Tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là Sổ phụ TK tiền gửi không kỳ hạn tại S ngày 24/6/2023, ngày 27/6/2023 và ngày 15/6/2023.

Hội đồng xét xử thấy rằng:

2.1 Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, thông báo về phiên công khai tài liệu chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, Nguyễn Duy T1 đều vắng mặt nên không thể hòa giải được. Ngoài ra, Tòa án đã tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 nhưng Nguyễn Duy T1 vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến phản bác đối với yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị U’.

2.2 Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn giao nộp là Sổ phụ TK tiền gửi không kỳ hạn tại S ngày 24/6/2023, ngày 27/6/2023 và ngày 15/6/2023 cùng với tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập được tại ngân hàng TMCP N. Qua đối chiếu có cơ sở xác định tài khoản số 1037948268 chủ tài khoản là Nguyễn Duy T1 mở tại V Chi nhánh B có nội dung:

Vào ngày 15/6/2023 U’ giao hội ngày 500k kỳ 2 số tiền 9.900.000 đồng,

Vào ngày 24/6/2023 U’ giao hội ngày 500 kỳ 3 số tiền 8.490.000 đồng,

Vào ngày 27/6/2023 U’ giao tuần 1 triệu kỳ 1 số tiền 14.000.000 đồng.

Từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên, có cơ sở xác định Nguyễn Duy T1 có tham gia chơi hội và hốt hội như chị U’ trình bày. Do đó, yêu cầu khởi kiện của chị U’ là có cơ sở nên được chấp nhận. Cần buộc Nguyễn Duy T1 có nghĩa vụ trả trả cho chị Phạm Thị U’ tổng số tiền là 47.500.000 đồng là phù hợp.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Đương sự có nghĩa vụ chịu theo quy định của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hộ, họ, biểu, phường.

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, 35, 39 và Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Ư đối với Nguyễn Duy T1.

Buộc Nguyễn Duy T1 có nghĩa vụ trả cho chị Phạm Thị Ước s tiền 47.500.000 (Bốn mươi bảy triệu năm trăm nghìn) đồng.

Kể từ khi Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 2.375.000 (Hai triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng, Nguyễn Duy T1 có nghĩa vụ nộp. Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre hoàn lại cho chị Phạm Thị Ước s tiền 1.187.500 (Một triệu một trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm) đồng theo biên lai thu số 0000155 ngày 03/5/2024.

3. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

*“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

**Nơi nhận:**

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- VKSND huyện Thạnh Phú.
- TAND tỉnh Bến Tre.
- CCTHADS huyện Thạnh Phú.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký)

**Huỳnh Minh Trí**